SỞ Y TẾ KHÁNH HÒA **TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ NINH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 712 /YTNH-KD V/v thông báo mời chào giá	*Ninh Hòa, ngày 15 tháng 5 năm 2025*

Kính gửi: Các nhà cung cấp dịch vụ tại Việt Nam

Trung tâm Y tế thị xã Ninh Hòa có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho Gói thầu: Mua sắm Vật tư y tế; Hóa chất; Sinh phẩm với nội dung cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CỦA ĐƠN VỊ YÊU CẦU BÁO GIÁ

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

Trung tâm Y tế thị xã Ninh Hòa.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ và tên: DS. Đỗ Hữu Thành - Trưởng Khoa Dược-TTB-VTYT.
- SĐT: 0935.530.355 hoặc 0905.259.581
- Địa chỉ email: khoaduocbvnd@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận báo giá trực tiếp hoặc gửi thư tại địa chỉ: Khoa Dược - TTB - VTYT, Trung tâm Y tế thị xã Ninh Hòa. Địa chỉ: TDP Phú Thọ 2, P. Ninh Diêm, TX. Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

Từ 7h ngày 16 tháng 5 năm 2025 đến trước 17h ngày 26 tháng 5 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá:

Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 26 tháng 5 năm 2025.

II. NỘI DUNG YÊU CẦU BÁO GIÁ

1. Danh mục hàng hóa *(theo Phụ lục đính kèm).*

- Phụ lục 1: Danh mục Hóa chất máy xét nghiệm.
- Phụ lục 2: Danh mục Hóa chất xét nghiệm và Hóa chất khử khuẩn.
- Phụ lục 3: Danh mục Sinh phẩm.
- Phụ lục 4: Danh mục Vật tư y tế.

2. Báo giá hợp lệ:

Báo giá ghi rõ đơn vị và đóng dấu, giá đã bao gồm thuế và chi vận chuyển, giao nhận, bảo hành và các chi phí khác (nếu có).

3. Đồng tiền chào giá: Việt Nam đồng.

4. Địa điểm giao hàng:

Khoa Dược-TTB-VTYT, Trung tâm Y tế thị xã Ninh Hòa. Địa chỉ: TDP Phú Thọ 2, P. Ninh Diêm, TX. Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa.

Đề nghị quý công ty làm báo giá theo mẫu đính kèm.

Rất mong quý công ty quan tâm tham dự.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Đảng ủy TTYT (VBĐT);
- BGĐ TTYT (VBĐT);
- Phòng TCKT (VBĐT);
- Trang Web: https://ytnh.com.vn/;
- Lưu: VT, K.D.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH KHÁNH HÒA
TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ NINH HÒA

Trịnh Tiến Khoa

Mẫu báo giá

Kính gửi: Trung tâm Y tế thị xã Ninh Hòa

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế thị xã Ninh Hòa, chúng tôi....*[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho các hàng hóa như sau:

1. Báo giá cho các hàng hóa:

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Quy cách	HSX - NSX	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
1								
2								
n	…							

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày],* kể từ ngày ... tháng... năm. *..[ghi ngày ....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].*

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

...., ngày.... tháng....năm....
Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Phụ lục I
DANH MỤC HÓA CHẤT MÁY XÉT NGHIỆM

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	I. HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC			
	1. HUYẾT HỌC 1 (Sử dụng cho máy TC Hemaxa 1000)			
1	Dung Dịch Phá Hồng Cầu	Sử dụng cho máy huyết học TC Hemaxa 1000. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Bình	**42**
2	Dung dịch pha loãng	Sử dụng cho máy huyết học TC Hemaxa 1000. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Thùng	**180**
3	Dung dịch rửa	Sử dụng cho máy huyết học TC Hemaxa 1000. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Thùng	**38**
4	Máu chuẩn huyết học 18-19 thông số	Sử dụng cho máy huyết học TC Hemaxa 1000. Nội kiểm cho máy huyết học 3 thành phần, 3 mức Thấp-Trung-Cao. Hỗ trợ tải thông số trực tiếp vào phần mềm quản lý chất lượng của máy. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**6**
	2. HUYẾT HỌC 2 (Sử dụng cho máy Sysmex XP 100)			
5	Dung Dịch Phá Hồng Cầu	Sử dụng cho máy huyết học Sysmex XP 100. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Bình	**28**
6	Dung dịch pha loãng	Sử dụng cho máy huyết học Sysmex XP 100. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Thùng	**25**
	3. HUYẾT HỌC 3 (Sử dụng cho máy BT-PRO21)			
7	Hóa chất pha loãng	Sử dụng cho máy xét nghiệm huyết học BT-PRO21. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Thùng	**15**

8	Dung dịch rửa thường quy	Sử dụng cho máy xét nghiệm huyết học BT-PRO21. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Thùng	**5**
9	Xét nghiệm tế bào máy trên máy huyết học BT21	Sử dụng cho máy xét nghiệm huyết học BT-PRO21. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Bình	**5**
	II. HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM SINH HÓA			
	1. SINH HÓA 1 (Sử dụng cho máy xét nghiệm bán tự động Mindray BA88A)			
10	Hóa chất Autocal H	Sử dụng cho máy sinh hóa bán tự động Mindray BA88A. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**4**
11	Hóa chất định lượng Acid Uric trong máu	Sử dụng cho máy sinh hóa bán tự động Mindray BA88A. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**4**
12	Hóa chất định lượng Albumin trong máu	Sử dụng cho máy sinh hóa bán tự động Mindray BA88A. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**1**
13	Hóa chất định lượng Alcohol trong máu	Sử dụng cho máy sinh hóa bán tự động Mindray BA88A. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**4**
14	Hóa chất định lượng Amylase trong máu	Sử dụng cho máy sinh hóa bán tự động Mindray BA88A. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**1**
15	Hóa chất định lượng Bilirubin toàn phần trong máu	Sử dụng cho máy sinh hóa bán tự động Mindray BA88A. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**5**
16	Hóa chất định lượng Bilirubin trực tiếp trong máu	Sử dụng cho máy sinh hóa bán tự động Mindray BA88A. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**5**
17	Hóa chất định lượng Calci trong máu	Sử dụng cho máy sinh hóa bán tự động Mindray BA88A. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**1**
18	Hóa chất định lượng Cholesterol trong máu	Sử dụng cho máy sinh hóa bán tự động Mindray BA88A. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**12**

19	Hóa chất định lượng CK	Sử dụng cho máy sinh hóa bán tự động Mindray BA88A. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**15**
20	Hóa chất định lượng CK-MB trong máu	Sử dụng cho máy sinh hóa bán tự động Mindray BA88A. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**4**
21	Hóa chất định lượng Creatinine	Sử dụng cho máy sinh hóa bán tự động Mindray BA88A. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**21**
22	Hóa chất định lượng GGT trong máu	Sử dụng cho máy sinh hóa bán tự động Mindray BA88A. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**2**
23	Hóa chất định lượng Glucose trong máu	Sử dụng cho máy sinh hóa bán tự động Mindray BA88A. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**47**
24	Hóa chất định lượng GOT trong máu	Sử dụng cho máy sinh hóa bán tự động Mindray BA88A. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**20**
25	Hóa chất định lượng GPT trong máu	Sử dụng cho máy sinh hóa bán tự động Mindray BA88A. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**20**
26	Hóa chất định lượng HDL-direct trong máu	Sử dụng cho máy sinh hóa bán tự động Mindray BA88A. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**56**
27	Hóa chất định lượng Protein Total	Sử dụng cho máy sinh hóa bán tự động Mindray BA88A. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**01**
28	Hóa chất định lượng Triglycerid trong máu	Sử dụng cho máy sinh hóa bán tự động Mindray BA88A. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**12**
29	Hóa chất định lượng Ure trong máu	Sử dụng cho máy sinh hóa bán tự động Mindray BA88A. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**23**
30	Hóa chất Nội kiểm sinh hóa mức bất thường Quantipath	Sử dụng cho máy sinh hóa bán tự động Mindray BA88A. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**2**

31	Hóa chất Nội kiểm sinh hóa mức bình thường Quantinorm	Sử dụng cho máy sinh hóa bán tự động Mindray BA88A. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**6**
32	Hóa chất xét nghiệm Iron (Sắt huyết thanh)	Sử dụng cho máy sinh hóa bán tự động Mindray BA88A. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**3**
	2. SINH HÓA 2 (Sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động BT35i)			
33	Hoá chất xét nghiệm AST (GOT)	Sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động BT35i. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**2**
34	Hoá chất xét nghiệm ALT (GPT)	Sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động BT35i. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**2**
35	Hoá chất xét nghiệm Creatinine	Sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động BT35i. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**1**
36	Hoá chất xét nghiệm Cholesterol toàn phần	Sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động BT35i. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**2**
37	Hoá chất xét nghiệm Glucose	Sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động BT35i. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**10**
38	Hoá chất xét nghiệm Triglycerid	Sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động BT35i. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**2**
39	Hoá chất xét nghiệm Acid Uric	Sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động BT35i. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**1**
40	Hóa chất hiệu chuẩn các xét nghiệm sinh hóa	Sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động BT35i. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**1**
41	Nước rửa máy sinh hóa	Sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa BT35i. Dung dịch rửa (tính axit). Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**4**

42	Nước rửa máy sinh hóa	Sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa BT35i. Dung dịch rửa (tính kiềm). Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**4**
43	Nước rửa máy sinh hóa	Sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa BT35i. Dung dịch rửa (tính kiềm mạnh). Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**4**
	3. SINH HÓA 3 (Sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động Errba, Model XL 200)			
44	Nước rửa máy sinh hóa tự động	Sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động Errba, Model XL 200. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**30**
45	Hóa chất định lượng Creatinin	Sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động Errba, Model XL 200. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**2**
46	Hóa chất định lượng Ure	Sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động Errba, Model XL 200. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**4**
47	Hóa chất Đo hoạt độ AST	Sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động Errba, Model XL 200. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**2**
48	Hóa chất Đo hoạt độ ALT	Sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động Errba, Model XL 200. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**2**
49	Hóa chất Đo hoạt độ LDL (Lactate dehydrogenase)	Sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động Errba, Model XL 200. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**1**
50	Hóa chất định lượng Choleterol	Sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động Errba, Model XL 200. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**1**
51	Hóa chất định lượng Triglycerid	Sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động Errba, Model XL 200. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**1**

52	Hóa chất đỊnh lượng Glucose	Sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động Errba, Model XL 200. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**3**
53	Hóa chất định lượng CRP (C-reactive Protein)	Sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động Errba, Model XL 200. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**2**
54	Stardard đi kèm	Sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động Errba, Model XL 200. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**1**
55	QC Control đi kèm	Sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động Errba, Model XL 200. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**2**
	III. HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM MÁY PHÂN TÍCH ĐÔNG MÁU BÁN TỰ ĐỘNG ECL 412			
56	Xét nghiệm thời gian Prothrombin (PT)	Sử dụng cho máy xét nghiệm đông máu bán tự động ECL412. Xác định thời gian prothrombin (PT) Thành phần: Thromboplastin mô từ não thỏ, chứa các ion canxi và natri azide (<0,01%) như chất bảo quản. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**35**
57	Xét nghiệm thời gian Thromboplastin hoạt hóa từng phần	Sử dụng cho máy xét nghiệm đông máu bán tự động ECL412. Dùng trong chẩn đoán in vitro, để xác định định lượng Activated Partial Thromboplastin Time (APTT) trong huyết thanh người. Thành phần: Axit ellagic khoảng 0,1 mM với huyền phù phospholipid chiết xuất từ não thỏ bị mất nước. Chất đệm, chất ổn định và chất bảo quản, khoảng 0,2% phenol. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**6**
58	Xét nghiệm thời gian Thromboplastin hoạt hóa từng phần	Sử dụng cho máy xét nghiệm đông máu bán tự động ECL412. Dung dịch đệm pha mẫu làm xét nghiệm đông máu APTT. Thành phần: Dung dịch canxi clorua 0,025 mol. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**6**

59	QC Control đi kèm	Sử dụng cho máy xét nghiệm đông máu bán tự động ECL412. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**2**
60	Cốc cuvet sử dụng cho chạy xét nghiệm đông máu	Sử dụng cho máy xét nghiệm đông máu bán tự động ECL412. Cuvettes đo dùng cho máy xét nghiệm phân tích đông máu bán tự động ECL412. Tròn, vật liệu nhựa trong suốt. Khử trùng	Cái	**5.000**
	IV. HÓA CHẤT MIỄN DỊCH (MÁY MIỄN DỊCH TỰ ĐỘNG AUTOLUMO A1860)			
61	Dung dịch rửa máy miễn dịch	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động Autolumo A1860. Chất thử Wash Buffer Thành phần chính: Phosphate buffer. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**4**
62	Dung dịch rửa đậm đặc máy miễn dịch	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động Autolumo A1860. Chất thử System wash Thành phần chính: Sodium Hydroxide. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**2**
63	Chất thử bệnh lý tuyến giáp FT3	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động Autolumo A1860. Chất thử fT3 CLIA Microparticles Thành phần chính: 1 vial containing 11.0 ml of horseradish-peroxidase labeled Anti-T3 in Tris-NaCl buffer containing BSA (bovine serum albumin). Contains ProClin 300® preservative. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**1**
64	Chất thử bệnh lý tuyến giáp FT4	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động Autolumo A1860. Chất thử fT4 CLIA Microparticles Thành phần chính: 1 vial containing 11.0 ml of horseradish-peroxidase labeled Anti-T4 in Tris-NaCl buffer containing BSA (bovine serum albumin). Contains ProClin 300® preservative. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**1**

65	Chất thử định lượng suy tim NT-proBNP	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động Autolumo A1860. Chất thử NT-proBNP CLIA Microparticles Thành phần chính: 1 vial each containing 5.5 ml of HRP (horseradish peroxidase) labeled mouse monoclonal NT-proBNP antibody in PB buffer containing BSA (bovine serum albumin) and casein. Contains 0.1% ProClin 300® preservative. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**1**
66	Chất thử định lượng nội tiết tố sinh dục Beta HCG	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động Autolumo A1860. Chất thử β-HCG CLIA Microparticles Thành phần chính: 1 vial containing 2.3 ml of anti-β-hCG coated microparticles in PBS buffer containing BSA. Contains 0.2% ProClin 300® preservative. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**1**
67	Chất thử định lượng kháng nguyên đặc hiệu tuyến tiền liệt toàn phần tPSA	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động Autolumo A1860. Chất thử tPSA CLIA Microparticles Thành phần chính: 1 vial containing 11.0 ml of horse radish peroxidase labeled mouse monoclonal Anti-PSA in Tris-HCl buffer containing BSA. Contains ProClin 300® preservative. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**1**
68	Chất thử chức năng tuyến giáp	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động Autolumo A1860. Chất thử TSH CLIA Microparticles Thành phần chính: 1 vial containing 5.5 ml of horseradish-peroxidase labeled Anti-TSH in Tris-NaCl buffer containing bovine serum. Contains ProClin 300® preservative. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**1**
69	QC Control đi kèm	Sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động Autolumo A1860. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE,	Hộp	**2**

		FDA, TCCS.		
70	Cốc Cuvet chạy máy miễn dịch tự động	Cuvettes đo dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động Autolumo A1860. Tròn, vật liệu nhựa trong suốt. Khử trùng. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	**3.000**
	V. HÓA CHẤT SỬ DỤNG CHO MÁY ĐIỆN GIẢI Easy late Na/K/Cl			
71	Hóa chất điện giải Fluid Pack Na/K/Cl	Standard A Solution 800mL: 140.0 mmol/L Na^+ 4.0 mmol/L K^+ 125.0 mmol/L Cl^- Buffer; Preservative; Wetting Agent) Standard B Solution 180mL: 35.0 mmol/L Na^+ 16.0 mmol/L K^+ 41.0 mmol/L Cl^- Buffer; Preservative; Wetting Agent) Wash Solution, 80mL (Wash Solution, 80mL). Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**15**
72	Hóa chất rửa máy điện giải đồ	Hộp 1 lọ x 90 ml HCl (0.2 N) and NH5F2 (0.05N) and salts. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**10**
73	Nội kiểm (Điện giải đồ Control)	Hóa chất Kiểm tra chất lượng của máy, bao gồm có 2 mức. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**2**
	VI. HÓA CHẤT NGOẠI KIỂM			
74	Chương trình ngoại kiểm Riquas huyết học	Chương trình ngoại kiểm Huyết học đáp ứng 11 thông số công thức máu hoặc tương đương. Chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Có bài báo cáo phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các	Hộp	**6**

		Trung tâm kiểm chuẩn. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.		
75	Chương trình ngoại kiểm Riquas sinh hóa	Chương trình ngoại kiểm Sinh hóa đáp ứng trên 50 thông số sinh hóa thường qui, bộ mỡ, hormones và kim loại vi lượng hoặc tương đương. Chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Có bài báo cáo phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**3**

Phụ lục II
DANH MỤC HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM VÀ HÓA CHẤT KHỬ KHUẨN

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	I. HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM			
1	Dung dịch nhuộm màu Ziehl s Carbol Fuchsin 1%	Thành phần của thuốc nhuộm Ziehl Neelsen Chai 500 ml. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Chai	**4**
2	Dung dịch tẩy màu cồn Acid HCl 3%	Thành phần của thuốc nhuộm Ziehl Neelsen Chai 500 ml. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Chai	**4**
3	Dung dịch nhuộm nền xanh Methylen 0,1%	Thành phần của thuốc nhuộm Ziehl Neelsen Chai 500 ml. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Chai	**4**
4	Hóa chất KOH đậm đặc (xét nghiệm phản ứng Privatal)	Chai 500ml. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Chai	**1**
	II. HÓA CHẤT CHỐNG NHIỄM KHUẨN:			
5	Dung dịch ngâm khử khuẩn dụng cụ enzyme	Hoạt chất enzyme Protease + chất tẩy rửa. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Chai	**60**
6	Greenax OPA	0,55% Ortho-Phthalaldehyde, khử khuẩn mức độ cáo dụng cụ y tế, phẫu thuật, thiết bị y tế, dụng cụ nội soi và dụng cụ không chịu nhiệt. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Can	**35**
7	Viên sủi khử khuẩn Troclosense Sodium	50% w/w Sodium Dichloroisocyanurate (2,5g Sodium Dichloroisocyanurate/ viên 5g - tương đương với 1,5g Clorin hoạt tính/ viên 5g). Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**40**

Phụ lục III
DANH MỤC SINH PHẨM

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	I. SINH PHẨM CHẨN ĐOÁN			
1	Test nhanh chẩn đoán Enterovirus EV71	Test thử nhanh phát hiện IgG và IgM kháng thể của virus Enterovirus 71 (EV71) trong huyết thanh. Độ nhạy ≥ 97%. Độ đặc hiệu ≥ 98%. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Test	**500**
2	Test nhanh chẩn đoán HIV (SD Bioline 1/2 3.0 HIV)	Phát hiện các kháng thể (IgG, IgM, IgA) đặc hiệu với virus HIV-1 và HIV-2 và phân biệt HIV-1, HIV-2 trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 99,3%. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Test	**100**
3	Test nhanh chẩn đoán HIV thế hệ 3 (Advance Quality Rapid Anti HIV ½ test nhanh)	Sử dụng phát hiện sự có mặt của kháng nguyên HBeAg trong huyết thanh hoặc huyết tương của người. Thành phần: Kháng thể chuột kháng HBeAg-1 (~0.4µg); Kháng thể chuột kháng HBeAg-2 (~0.4µg); IgG-dê kháng chuột (~0.6µg). Độ nhạy: 96.3%; Độ đặc hiệu: 97.9%; Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Test	**100**
4	Test nhanh H.P trong nội soi dạ dày	Test lên men urea. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Test	**800**
5	Test thử nhanh HIV Determine HIV ½	Determine HIV 1/2. Độ nhạy 100%. - Độ đặc hiệu ≥ 100%, cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút. –Độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 60 phút. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Test	**100**
6	Que thử nước tiểu 10 thông số	Cam kết (tương thích) sử dụng được cho máy Bệnh viện. Thông số 10 - 11. Hộp 100 test. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**120**

	II. SINH PHẨM DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM MIỄN DỊCH ICHROMA			
7	Test nhanh định lượng C-reactive protein (CRP)	Dùng cho máy Ichroma, hãng Boditech - Hàn Quốc. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Bộ	**180**
8	Test nhanh định lượng D-Dimer	Dùng cho máy Ichroma, hãng Boditech - Hàn Quốc. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Bộ	**10**
9	Test nhanh định lượng Feritin	Dùng cho máy Ichroma, hãng Boditech - Hàn Quốc. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Bộ	**30**
10	Test nhanh định lượng HbA1c trong máu	Dùng cho máy Ichroma, hãng Boditech - Hàn Quốc. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Bộ	**120**
11	Test nhanh định lượng T3	Dùng cho máy Ichroma, hãng Boditech - Hàn Quốc. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Bộ	**62**
12	Test nhanh định lượng T4	Dùng cho máy Ichroma, hãng Boditech - Hàn Quốc. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Bộ	**70**
13	Test nhanh chẩn đoán nhồi máu cơ tim Troponin I	Dùng cho máy Ichroma, hãng Boditech - Hàn Quốc. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Bộ	**70**
14	Test nhanh định lượng TSH	Dùng cho máy Ichroma, hãng Boditech - Hàn Quốc. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Bộ	**70**
15	Test nhanh định lượng PCT (Procalcitonin)	Dùng cho máy Ichroma, hãng Boditech - Hàn Quốc. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp	**5**
16	Test nhanh định lượng PSA (Prostatic Specific Antigen) toàn phần	Dùng cho máy Ichroma, hãng Boditech - Hàn Quốc. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp	**2**
17	Test nhanh định lượng nồng độ cortisol trong máu	Dùng cho máy Ichroma, hãng Boditech - Hàn Quốc. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp	**5**
18	Hóa chất kiểm chuẩn nhóm Hormone (2 mức bình thường và bất thường)	Dùng cho máy Ichroma, hãng Boditech - Hàn Quốc. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp	**2**

19	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm HbA1c (2 mức bình thường và bất thường)	Dùng cho máy Ichroma, hãng Boditech - Hàn Quốc. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp	**1**
20	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm CRP (2 mức bình thường và bất thường)	Dùng cho máy Ichroma, hãng Boditech - Hàn Quốc. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp	**1**
21	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm D-Dimer (2 mức bình thường và bất thường)	Dùng cho máy Ichroma, hãng Boditech - Hàn Quốc. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp	**1**
22	Hóa chất kiểm chuẩn nhóm tim mạch (2 mức bình thường và bất thường)	Dùng cho máy Ichroma, hãng Boditech - Hàn Quốc. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp	**1**
23	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm PCT (2 mức bình thường và bất thường)	Dùng cho máy Ichroma, hãng Boditech - Hàn Quốc. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp	**1**
24	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm Ferritin (2 mức bình thường và bất thường)	Dùng cho máy Ichroma, hãng Boditech - Hàn Quốc. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO; CE; FDA; TCCS.	Hộp	**1**
	III. SINH PHẨM DÙNG CHO MÁY Realtime PCR			
25	Hóa chất và vật tư phát hiện HBV bằng realtime PCR	Loại mẫu đầu vào: DNA sau tách chiết từ mẫu huyết thanh/ huyết tương o Lượng mẫu đầu vào: 10 µL o Độ nhạy: 28 IU/mL Bộ/ 50 test ABTViệt Nam Bộ 04 o Độ đặc hiệu: Kit chỉ phát hiện HBV o Công nghệ: TaqMan Probe o Kênh màu huỳnh quang: FAM (phát hiện HBV), HEX (chứng nội) o Thời gian PCR: 1 giờ 30 phút. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**10**

26	Hóa chất và vật tư tách chiết từ (tách bằng máy) cho tác nhân HCV, HBV	Hóa chất được chia sẵn trong chai nhựa: NL Buffer 60 mL, WB1 Buffer 36 mL, WB2 Buffer 36 mL, EB Buffer 30 mL, Ethanol 120mL, Magbead 2.6 mL, Proteinase K 2,4mL (tương ứng 96 tests). Kèm theo Deep Plate/Tube Strips và TipComb phù hợp để chạy máy. Loại Mẫu: virus từ mẫu huyết thanh, huyết tương. Ngoài ra, có thể sử dụng tách chiết cho mẫu dich phết và dịch nuôi cấy vi khuẩn gram âm. Bộ kit dễ dàng đáp ứng trên các dòng máy tách chiết/ tinh sạch nucleic acid,... Thu nhận đồng thời DNA và RNA. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**2**
27	TopPURE® Maga Serum DNA/RNA Co-Extraction Kit	TopPURE® Maga Serum DNA/RNA Co-Extraction Kit được sản xuất dựa trên công nghệ ly trích tự động bằng hạt từ đạt chuẩn chất lượng ISO 9001 và ISO 13485. Bộ kit cho phép tách chiết và thu nhận đồng thời DNA, RNA có độ tinh sạch cao từ đa dạng nền mẫu đầu vào như huyết thanh, huyết tương, huyễn dịch (huyền phù), mẫu quét bề mặt, mẫu dịch phết (y tế) và mẫu tế bào vi khuẩn. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**8**

Phụ lục IV
DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	ABT® TB32 Tip Comb.	Được sản xuất bằng nhựa polypropylene (PP), phù hợp cho việc xử lý hạt từ tính do ái lực liên kết thấp của chúng với các phân tử nucleic acid. Sản phẩm được dùng trong tách chiết từ ở máy Tanbead Smart Labassit 32. Số đầu bọc trên tipcomb: 8 đầu bọc thanh từ Dạng hình trụ với đáy ống bọc chữ U vuông. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA, TCCS.	Gói	**5**
2	ABT® TB96 Strips Tube.	Được sản xuất bằng vật liệu có độ tinh khiết cao bằng quy trình sản xuất hiện đại đảm bảo tính đồng nhất và độ chính xác cao. Sản phẩm được khử trùng và không chứa bụi mịn gây ô nhiễm mẫu. Sản phẩm có thể sử dụng để thay thế tube 1.5mL để trữ mẫu và dùng trong tách chiết từ dạng lẻ. Số giếng: 6 giếng Thể tích giếng: 2.2mL Kích thước giếng: 1x1cm. Chất liệu nhựa PP Dạng đáy giếng: chữ U. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	**5**
3	Đầu tuýp bằng nhựa có lọc, các cỡ	Đầu côn/tip có lọc (Filter Tip) giúp ngăn ngừa những cặn và aerosols (Sol khí) có trong dung dịch khi hút chất lỏng bằng micropipet, làm giảm thiểu nguy cơ lây nhiễm chéo không mong muốn. Mang đến độ chính xác tối đa cho thí nghiệm của bạn. Đầu tip tương thích với nhiều loại micropipet từ các hãng Effendorf, Thermo, Dlab,… Độ tinh sạch cao. Không có RNase & Dnase, Pyrogen Thể tích: 1250ul, 1000ul, 200ul, 100ul, 20ul, 10ul Chất liệu: - Tip: Sản xuất bằng nhựa polypropylene (PP) cao cấp. Có thể khử trùng ở 121 ° C	Hộp	**100**

		- Phần lọc (Filter): Màng lọc làm bằng HDPE, không có chất phụ gia cellulose đảm bảo ngăn ngừa lây nhiễm chéo. Khử trùng: EO. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA, TCCS.		
4	Khăn tắm bé	KT: 57cm X115cm. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	**3.000**
5	Mask oxy nồng độ cao có túi các cỡ	Chất liệu: PVC y tế không DEHP Cung cấp oxy nồng độ cao 90% - 100% tại cường độ 6l/ph. Dây oxy dài 2m ± 5%, đường kính 5,5 mm. Có các kích cỡ cho người lớn, trẻ em, trẻ sơ sinh tương ứng kích thước: chiều dài: 130mm, 110mm, 95mm, 80mm ±20%; chiều cao: 66mm, 61mm, 52mm, 45mm ±10%. Túi Oxy có thể tích 1000ml. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA, TCCS.	Bộ	**5**
6	Ống dẫn lưu màng phổi (drain) các loại, các cỡ	Ống nhựa PVC mềm, mờ và chống xoắn. Có đường cản quang mờ đục, đánh dấu ở mỗi 2cm từ lỗ cuối cùng, có 4 lỗ bên(size 8-22FG), 6 (size 24-36FG) * Kích thước co nối phù hợp để dễ dàng kết nối với hệ thống dẫn lưu * Lỗ mở đầu xa tròn mềm mịn không gây tổn thương, đầu gần dược điều chỉnh vừa với đầu thon tongue * Không chứa chất độc pyrogen * Size cỡ: 8-36FG (OD: 2.7-12.0mm) dài 450mm. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	**50**
7	Ống hút Yankauer dùng một lần trong phẫu thuật	Sử dụng một lần, khử trùng EO, dấu CE; Ống kết nối hút được làm bằng PVC y tế rõ ràng, chất lượng cao; Thiết kế hex-arris để tránh tắc ống do áp suất cao; Chiều dài của ống kết nối hút có thể được tùy chỉnh. Chiều dài thông thường có thể là 2.5M; Ba loại tay cầm Yankauer có sẵn: đầu phẳng, đầu bóng đèn, đầu vương miện; 6. Có lỗ thông hơi hoặc không có lỗ thông hơi là	Cái	**100**

		tùy chọn. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA, TCCS.		
8	Phim X quang y tế	Model: NS-D-P Kích thước 8x10 inch (20x25cm) Phim không nhiễm sáng (sử dụng trong điều kiện ánh sáng môi trường). Cấu tạo gồm 3 lớp: lớp phủ in phim, lớp nền PET, lớp phủ chống tĩnh điện. Độ dày lớp phủ in phim là 30 µm, lớp nền PET là 175 µm, lớp chống tĩnh điện là 5 µm. Tương thích với các máy in phim phun y tế Nice Imaging chuẩn Dicom 3.0. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485 và ISO9001 hoặc tương đương và giấy phép lưu hành tự do tại 1 trong các nước thuộc G7 hoặc châu Âu (CFS)	Tấm	**50.000**